

# BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: HEXANE

## MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Hexane
- Công thức phân tử:** C<sub>6</sub>H<sub>14</sub>
- CAS:** 110-54-3
- Mã EC:** 203-777-6
- Tên khác:** n-Hexane, Hexan
- Sử dụng:** Dung môi hữu cơ, pha chế sơn, chất tẩy, phòng thí nghiệm
- Nhà cung cấp tại Việt Nam:**  
CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI  
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh  
Mã số thuế: 0314051291  
Số điện thoại: 0909.907.861

## MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

### Phân loại theo GHS:

- Flam. Liq. 2 – H225 (Dễ cháy)
- Asp. Tox. 1 – H304 (Nguy cơ hít phải có thể gây chết)
- STOT SE 3 – H336 (Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt)
- Aquatic Chronic 2 – H411 (Độc với sinh vật thủy sinh, lâu dài)

### Từ cảnh báo: NGUY HIỂM

Biểu tượng nguy hại:   

### Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H225: Dễ cháy.
- H304: Nguy cơ tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập đường hô hấp.
- H336: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
- H411: Độc với sinh vật thủy sinh lâu dài.

### Câu phòng ngừa:

- P210: Tránh xa lửa, tia lửa, nguồn nhiệt.
- P261: Tránh hít khí, hơi.
- P271: Sử dụng nơi thông thoáng.
- P280: Mang găng tay, kính bảo hộ.
- P301+P310: Nuốt phải, gọi ngay trung tâm chống độc.
- P331: Không gây nôn.
- P403+P233: Lưu trữ nơi thông thoáng, bình kín.

## MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Hexane (C <sub>6</sub> H <sub>14</sub> )	110-54-3	≥ 95%

## MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần.
- Tiếp xúc da:** Rửa ngay bằng xà phòng và nước.
- Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay với nhiều nước, đến cơ sở y tế nếu kích ứng kéo dài.
- Nuốt phải:** Không gây nôn, gọi ngay trung tâm chống độc.

**Triệu chứng:** Buồn nôn, chóng mặt, nhức đầu, kích ứng da và mắt.

## MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện chữa cháy:** CO<sub>2</sub>, bột, bột khô, bình phun sương.

- **Nguy cơ cháy nổ:** Dễ cháy, hơi có thể nổ khi tiếp xúc lửa.
- **Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, găng tay, quần áo chống cháy.

---

#### MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Tránh tiếp xúc trực tiếp, đeo bảo hộ đầy đủ.
- **Biện pháp môi trường:** Ngăn chặn chảy ra cống rãnh, đất hoặc nước.
- **Thu gom:** Hấp thụ bằng cát, đất hoặc vật liệu khô, đưa vào thùng chứa kín.

---

#### MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Dung môi hữu cơ, pha chế sơn, chất tẩy rửa.
- **Bảo quản:** Nơi mát, khô, bình kín, tránh lửa, tia lửa và ánh sáng trực tiếp.
- **Không tương thích:** Oxi hóa mạnh, axit mạnh, chất khử mạnh.

---

#### MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (TLV-TWA):** 50 ppm (ACGIH)
- **Trang bị bảo hộ:**
  - Mắt: Kính bảo hộ kín
  - Da: Găng tay chống hóa chất, áo bảo hộ
  - Hô hấp: Mặt nạ lọc hữu cơ
  - Quần áo: Bảo hộ cơ bản phòng thí nghiệm

---

#### MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Lỏng, không màu
Mùi	Nhẹ, đặc trưng
Điểm sôi	68.7°C
Điểm chớp cháy	-22°C
Tỷ trọng	0.654 g/cm <sup>3</sup> (20°C)
Tan trong nước	Không đáng kể
pH	Không áp dụng

---

#### MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định ở điều kiện phòng.
- **Điều kiện tránh:** Lửa, nhiệt, ánh sáng.
- **Chất không tương thích:** Oxi hóa mạnh, axit, kiềm mạnh.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** CO, CO<sub>2</sub>, khói độc.

---

#### MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD<sub>50</sub> (chuột, uống):** 25 g/kg
- **LC<sub>50</sub> (hít, chuột):** 103 g/m<sup>3</sup>/4h
- **Tác hại:** Gây kích ứng da, mắt; hít phải lâu dài gây tổn thương thần kinh.

---

#### MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** Độc với sinh vật thủy sinh.
- **Phân hủy sinh học:** Dễ phân hủy.
- **Tích lũy sinh học:** Có khả năng tích lũy sinh học thấp.

---

#### MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom chất thải vào thùng kín, dán nhãn rõ.
  - Xử lý theo quy định về hóa chất nguy hại, không thải ra môi trường.
-

#### **MỤC 14: VẬN CHUYỂN**

- **UN Number:** 1208
  - **Loại nguy hiểm:** 3 (Lỏng dễ cháy)
  - **Nhãn nguy hiểm:** Flammable liquid (GHS02), Environmental hazard (GHS09)
- 

#### **MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ**

- Tuân thủ **TCVN 9487:2012, Nghị định 113/2017/NĐ-CP** về quản lý hóa chất nguy hại.
- 

#### **MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC**

- **Ngày phát hành SDS:** 15/10/2025
- **Tham khảo:** PubChem CID 8058, Sigma-Aldrich SDS, GHS Purple Book.
- Ghi chú:
  - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
  - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
  - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế